

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày 06 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS, ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Văn D** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 5 năm 1960 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT: tổ 54, khu 6A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: tổ 5, khu 6, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm: 1933 (đã chết); có vợ là chị Trần Thị T, sinh năm 1960; có 01 con sinh năm 1991; tiền án: Ngày 08/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 10 năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 28/01/2019, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/4/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 13/8/2004, được đặc xá trở về địa phương, đã thi hành xong phần dân sự của bản án; Ngày 27/10/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 19/01/2009, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, đã thi hành xong phần dân sự của bản án; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 26/12/2019, tạm giam từ ngày 26/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

1. Ông Phạm Đức H, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ 1, khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 05 phút ngày 17/12/2019, Công an thành phố U trong khi làm nhiệm vụ tại tổ 1, khu B, phường P, thành phố U đã bắt quả tang Đoàn Văn D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ bên trong quần lót D đang mặc 01 túi bên trong có 02 túi nilongồm: 01 túi kích thước khoảng (5x8)cm(ký hiệu M1) và 01 túi kích thước khoảng (4x6)cm(ký hiệu M2). Ngoài ra Công an còn thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có gắn sim trong máy, 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu vàng có gắn sim trong máy và số tiền 181.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra Đoàn Văn D khai nhận: Chiều ngày 17/12/2019, D từ nhà bắt xe khách sang khu vực Cầu Rào thành phố H để đi chơi với một người bạn tên là T (không rõ lai lịch địa chỉ cụ thể), khi cả hai đang cùng đi ăn thì D nói với T là mình vẫn thường sử dụng ma túy, thấy vậy T lấy trong người ra 01 túi ma túy “đá” và 01 túi ma túy “heroin” đưa cho D để D sử dụng, D cầm và bọc 02 túi ma túy vào 01 mảnh giấy rồi tiếp tục bọc bên ngoài bằng 01 mảnh túi nilon và giấu vào trong quần lót. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, D bắt xe khách về, khi xe đi đến khu vực Tổ 1, khu B, phường P, thành phố U thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Tại bản Kết luận giám định số 1020/GĐMT ngày 22/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 1,851 gam; Mẫu vật ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng: 1,045gam.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKSUB ngày 24/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố **Đoàn Văn D** về tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 36 đến 42 tháng tù về tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 17/12/2019.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1020/GĐMT bên trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định, 01 túi nilon màu trắng và 01 gói giấy vệ sinh màu trắng; trả lại bị cáo số tiền 181.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội và thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người chứng kiến: Ông Phạm Đức H và ông Bùi Văn Đ, có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai bị cáo Đoàn Văn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo Đoàn Văn D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của những người chứng kiến và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 05 phút ngày 17/12/2019, tại tổ 1, khu Bạch Đằng 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Đoàn Văn D đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 1,851gama túy loại Methamphetamine và 1,045gama túy loại Heroine, mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang. Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của bị cáo đã tàng trữ 02 chất ma túy mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên đủ yếu tố cấu thành tội: **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”** quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

.....

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

- **Về tính chất, mức độ phạm tội bị cáo:** Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng và trật tự trị an xã hội; bị cáo đã từng bị xử phạt về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo đang có 01 tiền án, phạm tội khi chưa được xoá án tích, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng về trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt nghiêm, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để rèn luyện, giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành công dân tốt.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đến 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 điện thoại gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có gắn sim trong máy, 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu vàng có gắn sim trong máy, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại gia đình Đoàn Văn D, nên không đề cập xử lý;

- Đối với 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 1020/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, đây là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 túi nilon màu trắng và 01 gói giấy vệ sinh màu trắng, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với số tiền 181.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo Đoàn Văn D;

[5] Về các tình tiết khác trong vụ án: Đối với đối tượng đàn ông tên T, D khai đã cho D ma túy, không rõ lai lịch, địa chỉ nên không làm rõ được để xử lý, nên không đề cập xử lý;

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: bị cáo **Đoàn Văn D** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt: bị cáo **Đoàn Văn D 42(bốn mươi hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 17/12/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 1020/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) túi nilon màu trắng và 01 (một) gói giấy vệ sinh màu trắng;

- Trả lại bị cáo **Đoàn Văn D** số tiền 181.000 đồng (một trăm tám mươi mốt nghìn đồng);

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ, 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo **Đoàn Văn D** phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về Quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát NDTP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định

